

PHẬT TỔ THỐNG KỶ

QUYỂN 40

PHẦN 7

Đời Trung Tông: (tên Hiến, con thứ bảy của Cao Tông)

Năm Thân Long thứ nhất, vua ban chiếu mời ngài Tuệ Năng Thiền sư ở Thiều Châu vào kinh nhưng ngài không đến. Vua ban chiếu khắp thiên hạ cho thi Kinh độ người. Ở Sơn Âm tại Linh Ẩn có Tăng Đồng Đại Nghĩa năm mươi hai tuổi đã tụng thông kinh Pháp Hoa, thi Kinh độ hạng nhất. Ông Nghĩa học Chỉ Quán với ngài Tả Khê. Khi lâm chung ông ngồi mà hóa, có nhạc trời đến đón.

Vua ban sắc sai sứ đón ngài Tuệ Năng Thiền sư ở Thiều Châu vào kinh hành đạo. Ngài dâng biểu từ chối vì bệnh, vua ban cho Ca-sa và Bình Bát. Ngài khuyên Chúa Thượng nên hướng tâm mộ đạo.

Vua ban chiếu mời ngài Tam tạng Nghĩa Tịnh ở Nội đạo tràng dịch Khổng Tử chúc Vương Kinh, vua viết lời tựa Thánh Giáo đặt ở đầu Kinh. Lúc xưa vua ở Phòng Bộ, cầu cúng niệm Dược Sư Như Lai bèn mong giáng phúc. Nhân đó khiến Sư dịch kinh Dược Vương Thất Phật, vua tự bút thọ. Sư dịch tất cả là năm mươi sáu bộ kinh.

Môn hạ của Trung Thư là Bình Chương Sự Phòng Dung bị biếm ra Cao Châu, khi đến Nam Hải thì gặp Sa-môn Ấn Độ là Bát-lặc-mật-đế bèn ngăn lại mời ở chùa để dịch kinh Đại Phật Thủ-lăng-nghiêm, Dung làm bút thọ.

Tháng chín, cúng giỗ Minh Đường, vua ra lệnh đại xá, chiếu rằng: Như nghe các Đạo Quán đều vẽ hình Hóa Hồ thành Phật, các chùa cũng vẽ hình Lão Quân. Tôn dung của hai đạo đều bị hủy nhục quá mức. Từ nay trở đi đều phải dẹp bỏ. Kinh Hóa Hồ đã nhiều triều đại cấm đoán. Nếu từ nay về sau như còn Ngụy Kinh này và các Ký Lục có nói chuyện Hóa Hồ đều phải dẹp bỏ, ai làm trái sẽ căn cứ vào sắc lệnh mà luận tội. Người ở Hoảng Đạo Quán là Hoàn Ngạn Đạo dâng biểu xin giữ Kinh Hóa Hồ. Vua ban sắc rằng: Trẫm ý luôn nghĩ việc thuần lương dẹp bỏ

các giả trá. Khoảnh khắc được rảnh rang trong muôn thuở tìm xem Tam Giáo về hai thiên Đạo Đức hoặc hai đế Hữu Không, tất cả đều phô bày Huyền môn, mở lớn diệu lý. Đâu cần phải giả tạo thuyết Hóa Hồ mới làm thanh Tông Lão Tử. Nghĩa đã sai trái thì việc cần dẹp bỏ.

Bàn rằng: Vĩnh gia Tạ Thủ Hạo soạn cuốn Lão Quân Thực Lục có dẫn lời các sách nói về các lần Lão Quân hạ sinh như:

1. Thời vua Cao Tông nhà Thương, sinh ở Hào Châu cõi Lộc bay về trời.

2. Thời vua Trụ nhà Thương, giáng xuống ở Kỳ Sơn. Đến thời Chu Võ Vương thì làm Trụ Sử. Năm Chiêu Vương thứ hai mươi hai thì vượt qua ải trao Đạo Đức Kinh cho Doãn Lệnh, đi Tây Vực không trở lại.

3. Năm Chiêu Vương thứ hai mươi lăm lại giáng xuống ở nhà Lý Bản Quan tại nước Thục. Năm thứ hai mươi bảy thì gặp Doãn Tử tại cửa hàng Thanh Dương ở Thành Đô rồi đi Tây Vực hóa Hồ ở nước Vu-diền mà bay lên trời (các việc trên là do Thực Lục dẫn. Thủ Hạo là người thời Hiếu Tông, là học trò cũ của Lâm Linh Tố).

4. Theo Sử Ký nói năm Định Vương thứ ba thì Lão Tử sinh ở huyện Khổ nước Sở, làm Trụ Hạ Sử, được Khổng Tử ở Triều Chu đến hỏi lễ. Năm Kinh Vương thứ nhất thì ông vào quan ải nói đạo Đức Kinh năm ngàn lời cho Doãn Lệnh. Rồi cùng Doãn Tử đi về phía Tây đến Lưu Sa (sa mạc).

Các sự tích giáng sinh của Lão Tử trên không thể nói là không có. Cả hai thời Chiêu Vương và Định Vương đều nói là nói kinh Đạo Đức cho Doãn Lệnh. Nếu coi ông là đồng thời với Khổng Tử thì lấy đoạn văn sau là đúng.

Luận rằng: Nếu bác việc Hóa Hồ là ngụy tạo thì có đến chín thuyết. Theo Sử Ký nói về Lão Tử Truyện thì ông làm sách năm ngàn lời rồi đi, không biết chết ở đâu. Phần chú dẫn của Liệt Tiên Truyện thì nói: Doãn Hỷ và Lão Tử cùng đi Lưu Sa, không biết chết ở đâu. Nay xét theo bản Liệt Tiên Truyện đang lưu hành thì sau chữ Lưu Sa bèn thêm hai chữ Hóa Hồ, đây là lầm lỗi thứ nhất.

Doãn Tử soạn cuốn Lão Tử Tây Thăng Kinh nói: “Nghe ở Trúc Càn có Cổ Hoàng Tiên Sinh là thầy của ta.” Nay trong Thực Lục không muốn Phật làm thầy bèn đổi là thân của ta, là lầm lỗi thứ hai.

Kinh Hóa Hồ nói: Lão Tử đến nước Kế Tân Hóa Hồ cạo tóc. Lúc đó là năm Chiêu Vương thứ hai mươi bảy, năm này Phật mới được hai tuổi. Thế gian lúc đó chưa nghe có Phật, chẳng lẽ nước Kế Tân lại có việc cạo tóc. Đây là điều lầm lỗi thứ ba.

Ngụy Kinh lại nói: Lão Quân bảo Doãn Tử hóa thân vàng trượng sáu gọi là Phật-đà truyền năm giới cho vua Hồ. Bản ấy nói dạy Hồ nay bèn nói dạy Doãn Tử thành Phật, là lầm lỗi thứ tư.

Ngụy Kinh (kinh Hóa Hồ) nói: “Phù Đồ vắng lặng thành hản âm linh, thần tiên bay lên trường sinh bất diệt.” Bản văn ấy nói dạy người Hồ thành Phật chẳng lẽ khen Tiên mà chê Phật, là lầm lỗi thứ năm.

Ngụy Kinh nói: Lão Quân sai Phạm thiên Phiền Đà Vương vào thời Trang Vương thứ hai, hạ sinh làm Phật. Nhưng Phật giáng sinh từ cung trời Đâu-suất vào năm Giáp Dần thời Chiêu Vương thì không có tên Phiền Đà cũng không phải trời Phạm thiên giáng xuống, là lầm lỗi thứ sáu.

Ngụy Kinh nói: Doãn Tử dạy Xá-lợi-phất, Tân-đầu-lô, Thiện Nữ Thiên... chín mươi lăm thứ, thì đây là những đệ tử Phật Thích-ca không thể nói là do Doãn Tử hóa ra. Mà người tạo Ngụy Kinh cũng không biết Xá-lợi-phất là nghĩa gì, đây là lầm lỗi thứ bảy.

Thực Lục lầm gọi đệ tử giữ mộ Phật là Tang Môn. Ngài La-thập đổi là Tang Môn Sa-môn. Lão Quân sai Bắc Đẩu Hàng Ma nên gọi là Uế Tích Kim Cang. Lại bảo: Tiên đạo là giáo ngoại biệt truyền. Đây đều là lén mượn kinh Phật mà đối trá lập luận, là lầm lỗi thứ tám.

Thực Lục không biết thọ mạng của Phật lâu xa, chỉ thấy Kinh Quang Minh nói thọ mạng ngắn mới tám mươi tuổi, không biết là nghĩa gì, bèn lấy lời này chê Phật là chết sớm, là lầm lỗi thứ chín.

Lão Tử thì dưới là Pháp sư mà trên là Thiên Chủ, nhưng tất cả Chư Thiên không ai là không thờ Phật. Nay đạo gia dù muốn tôn đạo trọng trời nhưng lập luận sai lý, trở lại thành lỗi chê bai Phật, chẳng đáng sợ sao?

Thuở xưa Vương Phù ngụy tạo kinh này, khi chết đọa địa ngục Diêm Vương quở rằng: “Khi nào ngụy kinh ở thế gian tiêu hết thì tội người mới thoát.” Nay người soạn Thực Lục mạn dạn trích dẫn văn ngụy tức cùng chịu tội như Vương Phù, chẳng đáng buồn ư? (các thuyết về Ngụy Kinh tóm tắt dẫn ra không có chép riêng).

Vua Hiếu Minh thời Ngụy Bắc Triều, hai vua Cao Tông và Trung Tông đời Đường nhiều triều đại đã dẹp bỏ, nói rõ đây là ngụy thuyết. Riêng có Triều Võ Hậu thì có tám học sĩ luận là không nên để riêng, cần phải bàn kỹ. Cho nên đời muốn giữ lại thuyết Lão Tử Hóa Hồ thì chia làm hai thuyết:

1. Xét về thời gian.
2. Căn cứ theo văn.

Thế nào là xét về thời gian? Cần biết Phật sinh vào thời Chiêu Vương, Lão Tử lại sinh vào thời Định Vương. Đến thời Cảnh Vương thì Khổng Tử ở triều nhà Chu hỏi lễ với Lão Tử. Thời gian này ở sau Phật ba trăm năm. Có thể nói là có Phật, có thể nói là có Hóa Hồ?

Thế nào là căn cứ theo văn? Liệt Tiên Truyện có nói: Lão Tử và Doãn Tử cùng đi Lưu Sa (bản xưa không có hai chữ Hóa Hồ). Hán Tương Giai Truyện nói: “Lão Tử vào Di Địch dạy làm Phù Đồ.” Tấn Cao Sĩ Truyện, Ngụy Điển Lược, Tây Nhung Truyện đều nói Lão Tử dạy Nhung tục làm Phù Đồ Tùy Sử, Tây Vực Truyện, Ngụy Tống Vân Tây Hành Ký, Đường Thái tử Thực Lục... đều nói ở nước Vu-điền có chùa Tỳ Ma, là nơi Lão Tử dạy người Hồ. Thời Võ Tắc Thiên nhà Đường, có Sa-môn Tuệ Trưng xin được hủy bỏ kinh Hóa Hồ. Thái hậu ban sắc mời Lưu Như Duệ... tám học sĩ, mỗi người đều làm luận trạng, thì đều nói rằng các sách được ghi ở đời Hán - Tùy việc Hóa Hồ là thật không nên dẹp bỏ. Nay biết rõ các sách ấy nói Lão Tử vào Tây Vực dừng ở nước Vu-điền, ở phía Đông Thông Lãnh. Đây là quê hương của người Hồ không nghi ngờ gì. Nhưng nếu muốn đây là sự thực thì phải nói thế này: Lão Tử vốn là Tôn giả Ca-diếp, Đức Thích-ca-sai ngài đến hoằng hóa ở Đông độ, trước nói kinh Đạo Đức năm ngàn lời theo thế gian để thuận thực cơ duyên (nghĩa này thấy trong Đại Tạng Trưng Cơ Nhân Duyên Kinh và trong Phụ Hành). Sau mới trở về Tây Vực đem đạo Phật mà khuyến hóa Hồ Tục khiến thành đạo Phật. Như lời nói ấy thì mới hợp lý. Khi xưa Vương Phù căn cứ vào các sách mà tạo Kinh, nếu riêng dẫn nước Vu-điền là đất Hồ thì còn có thể tin được. Đến như rộng nói đến các nước Kế Tân, Duy-vệ thì không biết đây là giống Phạm, mà Hồ và Phạm thì cách nhau đến hai vạn dặm. Đâu thể lẫn lộn như đây chỉ càng lộ liễu cái giả trá ngụy tạo. Trước đã nêu ra chín lỗi lầm, nếu ai biện hộ được, tôi xin cắt lưỡi tạ tội!

Năm Thần Long thứ hai, Thái hậu ra sắc ban hiệu cho Vạn Hồi Thiên sư làm Pháp Vân Công Viên Thông Đại Sĩ.

Ngài Bắc Tông Thần Tư Quốc Sư thị tịch tại chùa Thiên Cung ở Đông Đô, vua thụy phong là Đại Thông Thiên Sư. Sư đặc pháp với Ngũ Tổ. Từ thời Võ Hậu Tắc Thiên thì mời ngài vào ở tại đạo tràng của Nội Cung, vua kính lễ ngài làm Quốc Sư, Tể Tướng Trương Thuyết đến hỏi Pháp, xin làm đệ tử.

Tháng hai, vua ra sắc lệnh tạo chùa Thánh Thiện. Sa-môn Tuệ Phạm được bổ làm Chánh Nghị Đại Phu, phong làm Thượng Dung Quận Công, các Sư Pháp Tạng, Tuệ Trân... chín vị được làm Triều Đại Phu

và phong là Huyện Công, hưởng lộc như viên quan chánh thức. Vua ra sắc mời ngài Bồ-đề-lưu-chí ở điện Phật Quang dịch kinh. Vua dự nghe giảng Pháp và đích thân làm bút thọ, bá quan cùng ngồi hầu, phi và hậu cùng chiêm lễ.

Tháng năm, vua ban Y Tử Ma Nạp cho ngài Tung Nhạc Tuệ An Quốc Sư. Ngài độ được mười bốn người đệ tử, ba năm sau ngài tịch, thọ một trăm hai mươi tám tuổi.

Vua ban chiếu cúng giỗ bảy Triều Đại đều tổ chức tại nội điện và có thiết trai hành hương. Chùa Thánh Thiện vừa xây cất xong, vua ra sắc ban thêm chức Như Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu cho ngài Thượng Dung Công Tuệ Phạm, sung làm chủ chùa. Ban cho Sa-môn Vạn Tuế chức Triều Tán Đại Phu, phong làm Huyện Công, sung làm Duy Na. Ban cho Sa-môn Quảng Thanh chức Kiểm Hiệu Điện Trung Giám, sung làm Công Đức Sư.

Năm Thần Long thứ ba, vua ra sắc mời Cao An Lệnh Thôi Tư Lượng đến Tứ Châu đón ngài Tăng-già Đại sư, Sư là người Hà quốc ở Tây Vực đến Lạc dương vào thời Cao Tông, hành hóa đến Tứ Châu. Dân trong thành mừng vui sửa nhà làm chùa. Sư bảo đào đất thì được một tấm bia đề rằng: “Tề Lý Long bỏ nhà sửa làm chùa Hương Tích. Lại được tượng Phật bằng vàng.” Sư bảo là Phật Phổ Chiếu Vương, nhân đó đặt là chùa Phổ Chiếu. Nhưng vì kỵ húy của Võ Hậu Tắc Thiên nên đổi thành Phổ Quang Vương. Khi Sư đến thì tôn làm Quốc Sư. Sư ra ở chùa Tiến Phước, vua và bá quan đều xưng là đệ tử. Ngài độ đệ tử là Tuệ Nghiễm, Tuệ Ngạn Mộc Xoa. Vua chính tay viết bảng Ngạch chùa.

Vua ra sắc mời Văn Cang Luật Sư vào Đại Nội an cư hành đạo

Vua lại mời ngài Bồ-đề-lưu-chí ở phía Tây chùa Sùng Phước dịch kinh Bảo Tích. Tu Văn Quán là Học sĩ Võ Bình Nhất được sung làm Phiên Kinh Sư, Lô Tạng Dụng... nhuận văn.

Vua ban chiếu mời Luật Sư Đạo Ngạn vào Cung truyền quy giới cho Phi chủ. Vua đến các Sư đều nhường chiếu, chỉ riêng Ngạn vái dài. Vua quý trọng tiết tháo Sư bèn sai vẽ hình Sư ở Cung Lâm Quang, vua làm bài Tán khen ngợi.

Năm Thần Long thứ tư, ngày ba tháng ba, ngài Tăng-già Đại sư ngồi tịch. Vua ra sắc sơn thân ngài mà xây tháp ở chùa Tiến Phước. Bổng mùi xú ứ đầy thành. Vua ban chiếu đưa ngài về Tứ Châu thì mùi thơm ngào ngạt khắp làng. Vua hỏi ngài Vạn Hồi Tăng-già là ai? Ngài tâu: Là Quan Âm Bồ-tát hóa thân.

Tháng năm có đại hạn, vua ra sắc mời ngài Bồ-đề-lưu-chí ở chùa Sùng Phước lập Đàn cầu mưa, sau ba ngày có mưa rất to.

Vua ban chiếu thiết Đại hội Vô Già ở chùa Hóa Độ. Ngài Bồ-đề-lưu-chí dâng vua Kinh mới dịch. Vua đãi trai ở điện Quang Lâm và xem các Sa-môn luận đạo. Vua sai họa sĩ Trương Huấn vẽ hình các Đại Đức dịch kinh và các học sĩ trên vách điện. Vua đích thân viết bài tán.

Đời Duệ Tông: (tên Thả, con thứ tám của Cao Tông)

Năm Cảnh Vân thứ nhất, người em cũ của cao tổ ở Cung Hưng Thánh có cây thị đã khô héo nhiều năm, bấy giờ bỗng lại tươi tốt. Vua bèn ra lệnh đại xá thiên hạ và phong quan tước cho bá quan, khắp độ Tăng và Đạo sĩ ba vạn người. Vua lúc xưa học nội thiên và thỉnh ngài Pháp Tạng Pháp sư truyền cho Bồ-tát giới.

Năm Cảnh Vân thứ hai, vua ra sắc mời ngài Bồ-đề-lưu-chí cùng Pháp Tạng, Trần Ngoại... ở Đình Cam Lộ tại Bắc Uyển dịch kinh Đại Bảo Tích, các vị Tể Tướng Trương Thuyết, Hữu Thừa Lô Tạng Dụng, Bác Sĩ hạ Tri Chương, Trung Thư Thị Lang Lục Tượng Tiên, Thượng Thư Quách Nguyên Chấn, Thị Trung Ngụy Tri Cổ... nhuận văn và giám hộ.

Vua ra sắc cho các nhà Công Chúa Quý Phi bắt đầu lập Viện Công Đức.

Pháp Vân Công Vạn Hồi ngồi mà tịch. Vua tặng Tư Đồ Bưu Quốc Công, ra sắc bảo chôn Sư ở chùa Hương Tích tại Tây Kinh. Thời Triệu Võ Tắc Thiên có mời Hồi vào Cung Cấm ban cho Cẩm Y, khiến cung nhân hầu hạ. Thái tử Trang Tuệ mới sinh, Tắc Thiên bỗng ra xem. Ngài Vạn Hồi nói: “Đây là tinh tú ở Tây Vực, nuôi coi như anh em.” An Lạc Công Chúa cây Vi Hậu mưu phản nghịch. Hồi gặp ở giữa đường bèn phun nước bọt xuống đất bảo rằng: “Mùi tanh quá không thể gần!” Sau quả nhiên An Lạc bị giết. Lúc Huyền Tông còn ở nước Phiên, đến yết kiến, ngài vỗ lưng bảo: “Năm mươi năm Thái Bình Thiên tử.” Còn Duệ Tông khi làm Tương Vương mỗi khi ra gặp, Hồi bảo người chớ rằng: “Thiên tử đến đó!”

Năm Thiên Tiên thứ nhất, Sa-môn Tây Thiên là Bà-la xin đốt đèn cúng Phật, vua ngự đến cửa Hy Môn để xem, thấy vàng đèn cao hai mươi trượng có điểm đèn vàng bạc năm trăm chén, xem như một cây Hoa.

Ngài Bồ-đề-lưu-chí... dâng lên Kinh Bảo Tích mới dịch một trăm hai mươi quyển, vua viết bài tựa Thánh Giáo đặt ở đầu kinh.

Tháng mười một, Hiền Thủ Pháp sư Pháp Tạng viên tịch, vua ban hiệu là Hồng Lô Khanh, chôn ở Thần Hòa Nguyên.

Năm Thiên Thiện thứ hai, vua ra sắc cho Thái Phổng Sứ Vương Chí Âm ở các quận những tự viện nào không có sắc vua đều phá bỏ. Khi xưa, Sa-môn Tuệ Vân thấy phía Bắc sông Tuy có khí lạ, bèn vào Biện Châu đến ao vườn Tư Mã thấy trong nước có hình Cung Khuyết trên trời muốn lập chùa ở đấy. Bèn hóa duyên đúc tượng Phật Di-lặc trượng sáu, đem đổi lấy nhà Trịnh Cảnh làm viện. Khi đào đất thì được bia đề rằng: “Đời Bắc Tề, năm Thiên Bảo thứ sáu lập chùa Kiến Quốc”, nhân đó đặt tên là Kiến Quốc. Chí Âm đến ngài Tuệ Vân lạy tượng khóc lóc báo cáo. Bỗng tượng phóng quang. Chí Âm đem việc tâu vua, vua trước đó cũng có điềm mộng lành phù hợp với việc tâu. Cho là chùa có từ lúc Tương Vương lên ngôi, nhân đó ban tên là chùa Đại Tướng Quốc.

Tháng tám, ngài Tuệ Năng Thiên sư ở chùa Quốc Ân tại Tân Châu ngôi mà tịch, bèn đem về chôn ở Tào Khê tại Thiệu Châu và xây tháp ở đấy. Đời gọi là Lục Tổ.

Đời Huyền Tông: (tên Long Cơ, con thứ ba của Duệ Tông)

Năm Khai Nguyên thứ nhất, vua ra sắc lấy gỗ ở Tả điện để xây chùa An quốc và điện Phật Di-lặc.

Năm thứ hai, tháng giêng. Từ thời Trung Tông đến nay các hàng quý tộc thân thích tâu vua xin độ người làm Tăng. Các Phú Hộ bắt nhiều trai tráng cạo tóc để trốn sưu dịch. Tử Vi Lệnh Diệu Sùng dâng thư lên vua xin cấm việc độ Tăng, nói rằng: “Phật không ở ngoài, ngộ là do tâm, làm việc lợi ích khiến muôn dân được an ổn, đó là Phật lý.” Vua chấp nhận sai quan Hữu Ty đuổi hết các Tăng Ni giả dạng, có đến một vạn hai ngàn người đều phải hoàn tục. Vua ra sắc lệnh cấm bá quan không được lập chùa, dân gian không được đúc tượng viết Kinh. Nếu ai cần thì đến chùa thỉnh lấy. Tháng hai, vua ban sắc Tăng và Đạo sĩ phải lạy cha mẹ. Đến tháng tư thì bỏ lệnh đó.

Bàn rằng: Từ đời Tấn Thành Đế đến đời Tùy Dạng Đế có bốn chiếu chỉ bắt Sa-môn phải lạy vua. Ngài Tuệ Viễn Pháp sư bảo rằng Ca-sa không phải là y phục của Triều tông. Chiêm Pháp sư nói: Tăng không có phép kính tục, bèn dẹp việc ấy. Từ đời Đường Thái Tông Minh Hoàng có hai chiếu chỉ bắt Tăng và Đạo sĩ phải lạy cha mẹ, cũng một lúc thì bỏ. Nhưng không nghe nói lúc đó luận trạng ra sao. Đâu không bảo rằng: Xét theo Luật Phật người xuất gia phải tôn trọng Tam bảo là phước điền trên đời, còn phải khiến cha mẹ lạy lại. Đâu nên trái

lời Phật dạy tùy một lúc mà lập Pháp. Việc luận nghị bãi bỏ tất không ngoài nghĩa này. Từ Minh Hoàng đến triều ta thì không còn bàn luận việc này nữa.

Năm thứ ba, vua ban chiếu mời Nhất Hạnh Thiên sư vào triều kiến. Vua hỏi về Đạo an dân trị quốc và pháp yếu xuất thế, tôn là Thiên Sư (thầy của Thiên tử). Vua hỏi: “Vạn nước thế nào?” Sư đáp: “Xe loan đi vạn lý xả tắc cuối cùng được cát”. Rồi dâng lên vua hộp vàng thưa rằng: “Đến Vạn Lý thì mở ra xem không bao lâu sẽ trở về”. Khi có loạn An Lộc Sơn, vua đến Thành Đô tới cầu Vạn Lý chợt hiểu lời sấm “sẽ trở về”, bèn thanh thản hết ưu phiền, “Cuối cùng được cát” là đến đời Đường Chiêu Tông thì chấm dứt, vì đã từng phong cho ống ấy làm Cát Vương vậy.

Năm thứ tư, ngài Tam tạng Vô Úy ở Tây Trúc đến. Trước đó Duệ Tông nghe tiếng Sư, bèn sai Tướng Quân Sử Hiến ra Ngọc Môn tiến đón. Lúc đó vua mộng thấy một vị Tăng lạ vào yết kiến, bèn sai vẽ hình dung vị Tăng ở trên vách. Khi Sư vào bệ kiến thì so với hình trên vách không khác chút nào. Vua mừng bảo trang hoàng Nội đạo tràng mời ngài đến ở và tôn làm Giáo Chủ. Sư dịch kinh Tỳ-lô-giá-na... Tông Mật Giáo do đây mà hưng thịnh. Nước Nhật Bản sai Sa-môn Nguyên Phưởng vào Trung Quốc cầu pháp.

Năm Khai Nguyên thứ bảy, ngài Tam tạng Kim Cang Trí ở Tây Thiên đi tuần du Nam Hải đến Quảng châu, vào kinh Sư, vua mời vào triều kiến, vua ra sắc mời Sư ở chùa Từ Ân. Sư truyền Du-già Mật Giáo củ tổ Long Thọ, đến đâu đều lập Đàn Quán Đảnh độ người và cầu mưa, cầu trừ tai ương có rất nhiều ứng nghiệm.

Tại chùa Võng Cực ở Trường an, Sa-môn Tuệ Nhật đi Tây Thiên trở về đem dâng lên vua hình tượng Phật và Phạm Kinh. Vua mời vào gặp ở Nội điện, Sư nói pháp khai ngộ được tâm vua, vua ban hiệu là Từ Mẫn Tam tạng. Pháp sư đã đi qua bảy mươi nước, đi và về hai mươi năm.

Tháng ba, có Trưởng giả Lý Thông Huyền vì Đại Kinh Hoa Nghiêm do các nhà chú sớ có nghĩa quá đông dài, ông bèn đem kinh mới dịch đến nhà Cao Sơn Nô ở Thái Nguyên để viết Luận. Suốt ba năm, ngày ông chỉ ăn mười trái táo và bánh lá lách, nên đời gọi ông là Táo Bách Đại sĩ. Khi ông sắp mang kinh đến Hàn Trang bỗng có một con cọp ở giữa đường. Trưởng giả đem kinh để lên lưng cọp rồi dắt lên Phương Sơn vào trong một khám đất. Trong nhà không có đèn đuốc thì trong miệng ông phóng ra một luồng sáng trắng đủ để viết sách. Lại có hai cô gái mỗi ngày dâng

một mâm cơm và giấy mực. Ngày ông hóa có một luồng sáng trắng từ đỉnh ông phóng suốt lên Thái Vi. Ông viết Luận được bốn mươi quyển (trong Tạng có một quyển nói về sự tích của Trưởng giả).

Năm Khai Nguyên thứ tám, ngài Tam tạng Bất Không ở Bắc Thiên Trúc đi tuần du Nam Hải đến Kinh Sư ở chùa Từ ân truyền Du-già Đại Pháp cho ngài Kim Cang Trí.

Tháng năm, ở Kinh Sư có nhiều người bệnh. Y Vương là Vi Lão Sư cho thuốc cứu người tất cả đều hết bệnh. Mỗi lần ông chú tâm phát nguyện, có người gặp ông thì bệnh lành. Vua nghe tâu bèn mời vào triều kiến. Vua kính lễ là Dược Vương Bồ-tát. Lão Sư là người nước Sơ Lặc. Ở Tây Vực ông thường mặc áo lông mịn, lưng đeo mấy trăm cái hồ lô, đầu chích khăn lụa, chống gậy lê dắt một con chó đen cùng đi. Tự bảo rằng đã năm trăm năm rồi trải các đời Nghiêu Thuấn Ân Thang Chu Tần Hán Đường, tất cả có bảy lần hóa thân đến cứu kẻ bệnh nghèo. Một hôm con chó hóa thành rồng đen, lưng mang Lão Sư bay lên trời đi mất.

Năm Khai Nguyên thứ chín, vua ban chiếu mời ngài Nhất Hạnh Thiên sư soạn ra Đại Diễn Lịch, Hình Hòa Phác bảo Doãn Âm rằng: Lạc Hạ Hoàng đời Hán có nói: Sau tám trăm năm sẽ sai một ngày tất có Thánh nhân ra đời sửa đúng lại. Nay ngài Nhất Hạnh tạo Lịch sửa đúng việc sai lầm kia, thì lời của Lạc Hạ rất đáng tin. Sau đó sáu năm thì ngài tịch. Vua thụy phong là Đại Tuệ Thiên Sư.

Sa-môn Trí Nghiêm từ nước Vu-điền đến dịch bốn bộ kinh. Diêu Sùng chết, ông dặn lại con cháu rằng: Phật dùng thanh tịnh Từ bi làm gốc, mà nay người ngu viết Kinh tạo tượng, lấy đó mà cầu phước. Bọn người chớ bắt chước, không biết đó là người ta cầu phước ở âm phủ.

Bàn rằng: Đạo Phật do đâu mà tồn tại? Tất phải có chùa chiền, Kinh Tượng, Sa-môn hành đạo... thấy đó mà biết có Đạo, rồi từ đó mới làm các điều thanh tịnh từ bi. Sùng không biết Đạo này mà chỉ riêng theo cái hư lý trang bị cho kiến thức hẹp hòi dốt nát, đó là chính quyền thời ấy đã ngăn cấm việc độ Tăng lập chùa đúc tượng viết Kinh, thì các quan lại thuộc hạ cũng răn con cháu không được làm Phật sự. Nếu ông ta thờ được một ông vua như Ngụy Thái Võ để thỏa chí hẹp hòi cứng chắc, lúc đó ông cũng là một Thôi Hạo không khiến cũng tàn đời!

Năm Khai Nguyên thứ mười bốn, Sa-môn nước Nhật Bản là Vinh Duệ Phổ Chiếu đến Dương châu, vâng lệnh quốc vương của họ cúng dường mười y Tăng-già-lê cho các Luật Sư Cao Hạnh ở Trung Quốc. Ngài Giám Chân nhận y, cảm kích ở ngoại quốc đã có Phật chủng bèn cùng Duệ... ngồi thuyền sang Nhật Bản. Đến nơi vua quan ra đón tiếp

ủy lạo, mời về ở điện Tỳ-lô-giá-na. Rồi thỉnh ngài truyền quy giới. Các quần thân và phu nhân cũng thứ lớp thọ giới. Luật giáo Nhật Bản bắt đầu lưu hành từ đây.

Năm thứ mười lăm, vua ra sắc lệnh các chùa Phật nhỏ ở các thôn phường trong thiên hạ đều phá bỏ, các thùng phước sương quỹ công đức đều dời nhập vào các chùa to ở gần đó và đều niêm phong. Cả công tư đều theo phong trào đó nên tất cả nhà to tượng lớn đều bị phá hủy. Sắc lệnh vừa ban xuống Dự Châu, có Tân Ước Lệnh là Lý Hư mới say rượu mà Châu Phù đến, bèn nổi giận cho là quan chức mà dám phá bỏ tượng Phật bèn đem chém. Lý Hư làm trái lệnh vua nhưng không phải có ý bảo toàn chùa Phật. Sau ông bệnh chết. Khi đã tẩm liệm xong thì nghe trong quan tài có tiếng móng tay cào. Bà mẹ bắt mở quan tài ra thì sống lại. Lúc đó gặp tháng nóng dữ mà khắp mình ghẻ lở nhầy nhụa, hơn tháng mới khỏi. Ông tự bảo rằng: Lúc đầu ta bị hai viên quan bắt ta đến trước sân vua, thấy có viên lại Tân Tức đã chết trước đó một năm, bảo Lý Hư rằng: “Trưởng quan cố ý giết hại nay phải chịu báo.” Hư nghe xong rất sợ sệt xin xúi mạng. Viên quan ấy nói: Năm rồi việc phá hủy chùa chiền thì riêng trong phạm vi cai trị của quan lớn vẫn còn nguyên vẹn, công đức sánh bằng trời nên không bị chỗ này truy cứu. Nếu vua có hỏi tội thì cứ trình bày như thế. Chốc lát được gọi ra gặp vua. Có một quan viên cầm một bản án đọc tiếp rằng: Lý Hư chuyên học cất chân dê đã đánh một trăm tượng nhưng vẫn còn cất xé thịt dê. Lý Hư thưa: Năm rồi vua ra lệnh phá hủy chùa chiền thì riêng trong vùng cai trị của tôi vẫn còn nguyên vẹn xin lấy công đức này để chuộc tội trước. Vua ngạc nhiên bảo: Hãy xét xem có việc này không? Quan tâu: Có một ít phước nhỏ ở Thiên Đường. Vua bảo kiểm tra kỹ. Quan tâu: Năm rồi chùa chiền bị phá hủy chỉ riêng huyện Tân Tức thì còn nguyên. Vậy so cân công đức này với vô số tội ác khác trong một đời thì y còn sống thêm được ba mươi năm. Nói xong liền đem sổ tội ra đốt hết. Vua bèn sai hai quan viên đưa về. Sau ba mươi năm Lý Hư không bệnh mà chết (Thái Bình Quảng Ký).

Ngài Bồ-đề-lưu-chí viên tịch, thọ một trăm năm mười sáu tuổi, vua thụy phong là Nhất Thiết Biến Tri Tam tạng, tặng chức Hồng Lô Khanh.

Phòng Quán là quan của Lô Thị cùng Đạo sĩ Kinh Hòa Phác đi du ngoạn. Khi đi ngang qua Hạ Khẩu vào một ngôi chùa hoang ngôi dưới cội tòng xưa, Đạo sĩ cho người đào đất lên thì được một cái hủ đựng bản công đức của Lữ Sư và sách hình của Vĩnh Thiên Sư, bèn gọi Quán bảo

rằng: Có nhờ việc này chăng? Quán bỗng nhiên nhớ lại tiền thân mình là Vĩnh Thiên Sư.

Ở Toại Châu, có Nhậm Thiện bị bệnh chết, có một vị Tăng cùng với mấy kẻ tục đồng đến Diêm Đình. Vị Tăng nói: Tôi thường tụng kinh Kim Cang. Vua Diêm La liền chấp tay chào, bỗng có mây ngũ sắc đến đón Sư lên trời. Quan Âm Phủ bảo Thiện rằng: “Ông cũng từng tụng hai mươi một biến”, liền sai người thả về. Lại có Liên Thủy Triệu Bích vào kinh thi tuyển, giữa đường gặp vợ đã chết bảo rằng: “Hiện đang ở Âm ty chịu khổ không tả xiết, tôi còn y trang để ở nhà xin lấy bán đi giúp tạo cho một bộ kinh Kim Cang.” Bích làm đúng lời dặn. Mới viết được nửa bộ, nhân có việc đi ngang qua phần mộ vợ, thì thấy có một cụ già xưng là địa chủ bảo: “Hôm qua vợ người đã được sinh lên trời” (Kim Cang Cảm Nghiệm Lục).

Năm Khai Nguyên thứ mười bảy, vua ra sắc lệnh cho Tăng Ni khắp thiên hạ cứ ba năm thì làm sổ bộ một lần.

Bàn rằng: Người xuất gia học đạo cốt yếu là theo thầy thọ giới mà làm quy luật, chứ xưa nay chưa từng ghi tên vào sổ quan. Từ thời Hán Minh Đế đến đầu nhà Đường đều thế cả. Nhưng đến năm Diên Tả thời Võ Tắc Thiên mới bắt hai chúng lệ thuộc Tự Bộ, rồi năm Chánh Quán đời Đường Minh Hoàng thì bắt ba năm lập sổ bộ một lần. Năm Chí Đức đời Đường Túc Tông lại bắt làm Chúc điệp, gọi là Hương Thủy Tiên. Kịp đến triều Tống ta, từ khi dời kinh đô về Nam thì lập ra thuế miễn đình, gọi là Thanh Gian Tiên. Ôi Luật nói không phải luật của ta. Người xuất gia thanh tịnh ở các phương khác đều phải tuân theo. Há Như Lai dùng Phật Nhân thấy học trò mình ở đời mặt pháp mà không phải theo luật nước ư?

Năm Khai Nguyên thứ mười tám, ngài Tả Khê Lăng Thiên sư truyền Chỉ Quán Pháp Môn cho ngài Kinh Khê Trạm Nhiên Thiên Sư.

Vua ban chiếu các tự và Quán khắp thiên hạ đều phải lập Chúc Thọ đạo tràng nhân tiết thiên trường.

Tại Tây Kinh, Sa-môn Trí Thăng ở chùa Sùng Phước dâng lên vua tác phẩm Khai Nguyên Thích Giáo Lục hai mươi quyển, lấy năm ngàn bốn mươi tám quyển làm định số. Vua ban sắc cho nhập vào Đại Tạng.

Võ Công Huyện Thừa là Tô Khuê, thường tụng kinh Kim Cang, cả nhà gồm năm mươi người đều ăn chay. Vợ là Thôi Thị vì gầy yếu lên ăn thịt, bị mắc xương, ngưng thở, khâm liệt đã mười ngày. Bỗng sống lại bảo: Bị Diêm Vương quở rằng: Chồng người là nhục thân Bồ-tát, vì

sao lại lén ăn thịt, nhờ có công đức tụng kinh nên được sống thêm hai mươi năm, hãy trở về nói lại cho mọi người cùng biết. Lúc đó vua nghe tâu cũng phát tâm trì kinh, người làm theo việc đó rất đông.

Có Sa-môn Hải Thông ở trên bến sông lớn tại Gia Châu đục đá tạc tượng Phật Di-lặc cao ba trăm sáu mươi thước, làm gác chín tầng che bên trên đề bảng là Lăng Vân Tự.

Năm Khai Nguyên thứ hai mươi, ngài Tam tạng Kim Cang Trí tịch, vua thụy phong là Quán Đảnh Quốc Sư, đệ tử là Tam tạng Bất Không theo lời dặn dò của thầy trở về Thiên Trúc đến nước Sư Tử gặp ngài Long Thọ được truyền cho Pháp Thập Bát Hội Quán Đảnh và hơn năm trăm bộ kinh Luận.

Trước thời Tây Tấn có Tăng Nghĩa Hưng ở trong hang núi cách ba mươi dặm về hướng Đông nam của Mậu Huyện đã lập một đền thờ Phật ở trên núi cao. Ngài Cao Tăng Pháp Duệ theo dấu cũ cất một tinh xá ở chân núi phía Đông của núi ấy. Bí Thư Vạn Tề Dung xây tháp Đa Bảo ở phía Tây nam. Sư ở đó hằng ngày tụng kinh Pháp Hoa, cảm được Sao Thái Bạch hóa làm Thiên Đồng đến dâng cúng, đêm đi quanh tháp hành đạo. Người ta thấy thân Sư to cao bằng tháp, nhân đó gọi ngài là Thái Bạch Thiên Sư, đặt tên núi là Thiên Đồng (đời nói Khải Thiên sư là người khai sơn là lầm).

Vua ban sắc rằng: Mạt nộ là tà kiến, dối mượn lời kinh Phật. Đó là pháp của các Sư ở Tây hồ, học trò tự tu không nên cấm phạt.

Bàn rằng: Phật nói có chín mươi sáu thứ ngoại đạo, chỉ có đạo Phật là chánh, còn các thứ khác đều là tà pháp không cần phải luận bàn. Mạt-ni là tà kiến, các triều đình đều cấm ngăn. Nay lại cho họ tự do hoạt động không hình phạt. Nhưng không nghĩ rằng khi pháp này lập ra thì nhiều người sẽ tiêm nhiễm, lấy tà truyền nhau khiến Phật pháp hỗn tạp. Không biết vì sao các vua quan thời ấy lại không tách hẳn nó ra?

Năm Khai Nguyên thứ hai mươi mốt, ngài Nam Sơn Đạo Tuyên Luật Sư san định lại Tứ Phần Giới Bản, hàng xuất gia lấy đó tụng lập.

Năm thứ hai mươi ba, ngài Tam tạng Vô Úy viên tịch, Tháp ngài ở ngọn núi phía Tây của Long Môn.

Năm thứ hai mươi bốn, vua ra sắc ban phát khắp thiên hạ bộ kinh Kim Cang Bát-nhã do vua chú giải. Trung Thư tâu xin khiến Tăng Ni khắp thiên hạ lệ thuộc vào Hồng Lô Tự. Ngô Đạo Huyền tự là Đạo Tử, Diệu Cùng Đôn Thanh, Đại Lược Tông Trương Tăng Diêu... Vua mời vào cung để dâng cúng. Ở chùa Cảnh Công họa hình trị tội ở địa ngục. Người trong đô ấp đến xem đều sợ tội mà làm lành. Các quán rượu

thịt ở hai chợ đều nghỉ mua bán (nay có thạch bản tên là Đạo Tử Quan Âm).

Năm thứ hai mươi lăm, vua ban sắc Tăng Ni vẫn lệ thuộc Tự Bộ, Đạo sĩ thì lệ thuộc vào chùa Tông Chánh, vì Tông họ Lý nên thuộc sổ bộ Hoàng Tộc.

Năm thứ hai mươi sáu, vua ban sắc trong thiên hạ các Quận lập hai chùa Khai nguyên và Long Hưng. Sa-môn Pháp Tú mộng thấy một vị Tăng lạ bảo đem năm trăm y ca-sa đến chùa Hồi Hương cúng thí. Khi tỉnh dậy Tú lấy làm lạ bèn nhờ người làm đúng số y ca-sa trên. Bỗng một hôm Tú gặp vị Tăng bảo: “Ta dắt ông đến chùa Hồi Hương.” Tú đi theo vào núi Chung nam, thấy giữa chừng núi cao vót có cửa son bằng đá Hồi Hương. Tú vội bước vào thì thấy ở phía trên có một cụ già, các Tăng đang hỏi han nhau. Tú đem y ca-sa dâng khắp mọi người trong chùa. Cụ già dẫn Tú vào một phòng trống bảo rằng: Đây là nhà ở cũ của vua Đường, bèn sai thị giả lấy ra ống tiêu ngọc rồi bảo: Vì ở đây ham nghe nhạc trời nên bị đầy xuống làm vua cõi người, một thời gian lâu sẽ được về. Lại dặn Tú rằng: “Ông đem ngọc tiêu và y ca-sa về dâng lên vua Đường.” Tú trở về đến Cung Khuyết dâng biểu lên vua. Vua lấy tiêu thổi chơi như các tiên đế xưa (Cao Tăng Truyện).

Năm Khai Nguyên hai mươi bảy, vua ban sắc các Tăng và Đạo sĩ trong thiên hạ gặp ngày quốc kỵ thì cùng đến chùa Long hưng để hành đạo và thí trai, còn gặp tiết Thiên thu chúc thọ thì đến chùa Khai Nguyên.

Năm thứ hai mươi tám, Thanh Nguyên Hành Tư Thiên sư ở Cát Châu ngồi mà tịch. Ngài đắc pháp với Lục Tổ. Triều vua Hy Tông truy thụy phong cho ngài là Hoằng Tế Thiên Sư, tên tháp là Quy Chân.

Năm thứ hai mươi chín, Hà Nam Thái Phỏng Sứ là Tề Cán tâu rằng: “Bạc Chí Đạo đáng tôn quý ai cũng phục tùng còn chưa khỏi bị roi giọt nhục hình. Nay các Tăng và Đạo sĩ có tội tất phải y vào một luật Tăng Đạo mà phân xử, nhưng các châu huyện không được tự ý quyết đoán.” Vua chấp nhận lời tâu. Ngài Tam tạng Bất Không từ nước Sư Tử trở về Quảng châu. Thái Phỏng Sứ là Lưu Cự Tế thỉnh ngài lập Pháp Đàn Quán Đảnh, cảm được Đức Văn-thù hiện thân độ hơn vạn người.

Năm Thiên Bảo thứ nhất, năm nước Tây Vực Khang Cư Đại Thạch vào xâm chiếm An Tây (Nhà Đường đặt bốn phủ là An Đông, An Tây, An Nam, An Bắc). Vua mời ngài Tam tạng Bất Không vào nội cung trì tụng Nhân Vương Hộ Quốc Mật Ngữ, vua đích thân bưng lò hương mới tụng được hai mươi bảy biến thì vua thấy hơn năm trăm vị thần đứng ở

Sân điện. Sư bảo: Đây là Độc Kiện con thứ hai của vua Bắc Thiên Tỳ-sa-môn theo lời cầu nguyện của Bệ Hạ đến cứu An Tây. Xin đãi tiệc xuất quân. Đến tháng tư thì An Tây tâu rằng ngày mười một tháng hai, ở phía Đông bắc Thành, trong mây đen thấy có Thần Kim giáp hình người cao hơn tượng, từ không trung giống trống thổi ốc chấn động đất trời. Bên trường giặc có chuột vàng ăn đứt dây cung. Cả năm nước liền rút chạy. Phút chốc thấy Thiên Vương hiện hình trên lầu thành. Vua bảo kiểm nghiệm, thì thấy đúng vào ngày tụng chú (nay ở trại quân đều thờ Thiên Vương ở lầu thành là do chuyện này).

Năm Thiên Bảo thứ hai, vua ban sắc rằng Núi La Phù mà kinh Phật có ghi là nơi ở của Hoa Thủ Bồ-tát, nay ở đó nên lập chùa Diên Tường, Đài Hoa Thủ và Giới Đàn Minh Nguyệt.

Thuở xưa, Sa-môn Sở Kim ở chùa Thiên Phước tại Kinh Sư, tụng kinh Pháp Hoa đến phẩm Bảo Tháp thì thân tâm lặng bật, bảo tháp chợt hiện ra. Sư bèn ngồi tọa thiền sáu năm nguyện xây tháp này. Đến ngày đào móng thì mọi người đều nghe có tiếng nhạc trời và mùi hương lạ. Vua ở trong cung cấm cũng mộng thấy trên không trung có hai chữ Sở Kim. Dem việc hỏi quần thần thì đều bảo là Sư. Vua bèn đích thân viết bằng Ngạch Tháp Đa Bảo và ban tiền lụa để giúp thêm.

Năm Thiên Bảo thứ ba ở chùa Thiên Phước đã xây xong tháp Đa Bảo, cảm được mây ngũ sắc vẫn vũ trên tháp, muôn người cùng đến chiêm lễ. Sư Sở Kim lại tập hợp các Đại Đức ở dưới tháp hành Pháp Hoa Tam-muội, cảm được ba ngàn bảy mươi hạt xá-lợi.

Vua ban sắc ở chùa Khai Nguyên các Quận đều đúc tượng Phật bằng vàng đồng to bằng thân của Hoàng Đế. Vua mời ngài Bản Tịnh Thiên sư ở núi Tư Không vào Cung Khuyết để hỏi về yếu chỉ Thiên Tông, rồi mời Sư đến ở chùa Bạch liên.

Ngài Nam Nhạc Hoài Nhượng Thiên sư viên tịch, vua thụy phong là Đại Tuệ Thiên Sư, tên tháp là Tối Thắng Luân. Sư đặc pháp với Lục Tổ.

Năm Thiên Bảo thứ tư, vua ra sắc rằng Kinh Giáo Ba Tư đều lấy từ Đại tần, vậy chùa ở hai kinh đô Ba Tư đều đổi là Đại Tần.

Vua mời Trung Nhạc Đạo sĩ Ngô Quân vào triều kiến để hỏi về yếu chỉ Đạo Lão. Quân tâu: “Sâu sắc của Đạo không gì bằng năm ngàn lời của Lão Tử”. Vua lại hỏi về pháp Thần Tiên Trị Luyện. Quân tâu: “Đây là việc của người quê qua nhiều năm tháng mà cầu xin, không đáng cho hàng vua chúa để ý đến.” Lúc đó quan nội thị là Cao Lực Sĩ vốn thờ Phật chê bai việc đó ở trước vua. Quân bèn cáo biệt vua trở về

Mâu Sơn. Vì bị bài bác, Quân bèn viết Luận để hủy báng Phật giáo. Quán Sát Sư Trần Thiệu Du ở Triết Tây thỉnh Pháp sư Thần Ung quyết đoán. Ung hẹn gặp mặt để luận nghị Chánh tà. Khi vừa cờ trống đến nơi thì Quân đã thua bỏ chạy về Bắc. Ung liền làm bộ Phiên Tà Luận để công kích dư đảng. Thiệu Du tâu lên vua, vua mời Thần Ung làm Tăng Thống (Ung nối ngài Tả Khê).

Năm Thiên Bảo thứ năm, nước Sư Tử sai sứ đến triều dâng Kinh Lá Bối Đại Bát-nhã và Kinh Anh Lạc Bạch Diệp. Vua ban sắc mời ngài Tam tạng Bất Không ở chùa Hồng Lô vào nội điện hành pháp Quán Đảnh cho vua. Lúc đó đã lâu không mưa. Sư lập đàn hành Pháp thì mưa to thấm khắp. Lại cấm gió lớn thì gió liền ngừng thổi.

Năm thứ sáu, vua ban sắc các Tăng Ni trong thiên hạ thuộc Lương Nhai Công Đức Sư, bắt đầu khiến Tự Bộ cấp điệp phải làm bằng lụa mỏng. Lại sắc lệnh cho các tự viện trong thiên hạ phải chọn lựa Chân Hạnh Đồng Tử mỗi quận độ ba người.

Năm thứ mười bốn, vua cho rằng Bắc Phương bảm khí cứng rắn có tính giết chóc nhiều nên cho luyện tập kỵ xạ. Vua ban chiếu mời Sa-môn Biện Tài làm Lâm Đàn Giáo Thọ dùng để huấn đạo.

Đời Túc Tông (tên Hưởng, con thứ ba của Huyền Tông)

Năm Chí Đức thứ nhất, tháng giêng, Phạm Dương Tiết Độ Sư là An Lộc Sơn làm phản. Tháng năm, Huyền Tông, Thái tử và bá quan xuất phát từ Trường an sắp đến Thục, khi tới Mã Ngôi thì có mấy ngàn dân mời Thái tử vào ở nhà giặc An Lộc Sơn tại chân núi phía Đông. Sa-môn Đạo Bình ở Kim Thành cố gắng khuyên giải Bình Linh Vũ để mưu đồ việc khôi phục, vua bèn phong cho Đạo Bình làm Kim Ngô Đại Tướng Quân, đến Lâm Cao nhiều lần giao tranh với giặc và đại thắng. Việc yên, vua phong cho Bình nhưng Sư cố từ chối, bèn ban sắc mời Sư ở hai chùa Sùng Phước và Hưng Khánh, ban cho Tử Y và vàng lụa.

Tháng bảy, Thái tử lên ngôi ở Linh Vũ, tôn Huyền Tông là Thái Thượng Hoàng. Vua ở Linh Vũ vì quân phí không đủ dùng, nên Tể Tướng Bùi Miễn xin ban Độ Diệp cho Tăng và Đạo sĩ, gọi đó là Hương Thủy Tiền (bán điệp đầu tiên). Lúc giặc An Lộc Sơn mới phát khởi thế rất mạnh mẽ, có người khuyên vua nên cầu nguyện Phật. Vua bèn ra chiếu mời một trăm Sa-môn vào hành cung sớm chiều tán tụng. Một hôm vua nằm mộng thấy có vị Sa-môn thân sắc vàng ròng tụng Bảo Thắng Như Lai. Vua đem việc hỏi tả hữu, có người tâu: Hang Bạch Thảo ở Hạ lan có Tăng nước Tân la là Vô Lộ thường tụng danh hiệu này. Vua mời vào gặp ở hành cung, lúc đó có ngài Bất Không đến bèn

cùng giữ lại để nhờ cầu phước. Đổ Hồng Tiệm tâu vua mời Biện Tài ở chùa Long hưng. Vua bèn ra chiếu phong thêm cho Sư chức Sóc Phương Quán Nội Giáo Thọ. Thượng Hoàng dừng ngựa ở Thành Đô, quan nội thị Cao Lực Sĩ tâu: Ở chợ phía Nam Thành có Tăng Anh Cán ở giữa đường rộng thí cháo cứu dân nghèo đói, cầu cho vận nước sớm phục hồi cương thổ, định lập chùa ở Phủ Đông để cầu phước cho nước. Thượng Hoàng nói lại với vua, vua tự tay viết bằng Ngạch Đại Thánh Từ Tự, ban cho một ngàn mẫu ruộng. Vua ra sắc mời Tân La Toàn Sư lập ra quy chế cho chín mươi sáu viện, tám ngàn năm trăm khu. Về sau Toàn Thiên sư đến Trì Châu ở núi Cửu Hoa ngồi mà tịch, toàn thân Sư không hư nát, xương như khóa vàng, thọ chín mươi chín tuổi.

Tháng mười hai, Thượng Hoàng từ Thành Đô trở về Kinh Sư. Vua ban chiếu mời Sa-môn Nguyên Kiếu ở chùa Phụng Tường Khai Nguyên lập Dược Sư đạo tràng. Bỗng trong hội trường mọc ra cây mận có bốn mươi chín nhánh. Sư Nguyên Kiếu dâng biểu lên mừng vua. Vua ra sắc đáp rằng: “Điềm lành cây lý sum xuê báo hiệu quốc gia hưng thịnh. Trong chốn Già-lam, cũng biết cây Giác xanh tươi, cảm điềm lành thù thắng này cùng Sư đồng mừng vui.”

Vua ban chiếu rước cốt Phật (xá-lợi Phật) ở chùa Phụng Tường Pháp Môn vào cung cấm để lập đạo tràng, khiến Sa-môn sớm chiều tán lễ. Vua ra sắc ở Ngũ Nhạc, mỗi nơi đều phải lập chùa, chọn kỹ các bậc cao đức mời về làm chủ. Kẻ bạch y cư sĩ tụng kinh một trăm trang thì ban cho chức Minh Kinh được làm Tăng. Lúc đó tuyển người đứng đầu trong các Tăng tiêu biểu, kẻ nào nạp một trăm quan tiền thì cho thỉnh Diệp Thế Độ. Sa-môn Tuệ Thường ở núi La Phù nhân hái trà đi vào sơn động thấy có bảng chữ vàng đề La-hán Thánh Tự, bèn ở trong đó ba ngày rồi ra Mậu Sơn, mới hay ở cõi nhân gian đã năm năm rồi.

Năm Càn Nguyên thứ nhất, vua ban sắc mời ngài Tam tạng Bất Không vào nội cung làm phép Quán Đảnh truyền giới cho vua, cảm được Đức Bồ-tát Đại Nhạo Thuyết phóng quang chứng giới.

Năm thứ hai, tháng ba, vua ban chiếu các Châu trong thiên hạ cách ngoài thành và bờ sông năm dặm đều đặt ao phóng sinh, có đến tám mươi một ao. Quan thứ sử Thăng Châu là Nhan Chân Khanh soạn bài bia rằng: “Động vật thực vật sống dưới nước hay trên bờ, nay khắp thiên hạ làm ao phóng sinh nuôi trong đó mà cầu phước. Nhờ sức Đà-la-ni gia trì, làm khô cạn biển phiền não mà vượt bờ sinh tử.”

Vua ban chiếu mời Tuệ Trung Thiên sư ở Nam Dương vào triều kiến. Vua ra sắc mời Sư ở chùa Thiên Phước tôn hiệu là Quốc Sư. Vua

hỏi Sư ở Tào Khê được Pháp gì? Sư đáp: “Bệ hạ thấy một phiến mây ở không trung chẳng?” Vua đáp: “Thấy”. Sư nói: Đóng đinh dính thì treo máng cũng dính (Ngũ Tổ răn dạy Sư Đại rằng: Việc tốt không bằng vô sự). Vua hỏi: “Thế nào là mười thân Điều Ngự?” Sư đứng dậy bảo: Hiểu chẳng? Vua đáp: “Không hiểu”. Sư ngó tả hữu nói: “Đưa cho Lão Tăng cái Tịnh Bình!”

Năm Thượng Nguyên thứ nhất, vua ra sắc cho Trung Sư đến Tào Khê ở Thiều Châu rước y bát của Lục Tổ vào nội cung cúng dường.

Sa-môn Bảo Ngọc ở Ngô Hưng vào kinh thọ giới. Vua mộng thấy Ngô Tăng tụng kinh Pháp Hoa miệng phóng ra ánh sáng ngũ sắc. Sáng hôm sau, Sư vào quan ải, vị quan coi ải hỏi: Từ đâu đến? Sư đáp: “Thích tụng kinh Pháp Hoa từ xa đến để thọ giới.” Quan coi ải tâu vua, vua mời vào gặp, quả đúng người trong mộng. Vua cho phép Sư ngồi tụng kinh. Đến Phẩm Tùy Hỷ thì khoe miệng phóng ra ánh sáng ngũ sắc. Vua rất vui, sai người lập Đàn Thơm đặc biệt cho thọ giới, rồi ban cho Sư tên Đại Quang, phong chức Thiên Hạ Thượng Tọa.

Vua ra sắc lệnh Tăng Ni vào triều hội khởi phải cần xưng “Thần.”

Hồng Giác Phạm nói rằng: Tung Minh Giáo thường khen Sa-môn cao thượng, yết kiến Thiên tử mà không giữ lễ bầy tôi. Từ đời Đường đã khiến có ý tốt bỏ việc đó đầu tiên và các đời sau cũng theo đó (việc này chưa biết thấy ở đâu), do đó không lạ lòng gì kẻ ẩn dật ở núi rừng thì dẫu Thiên tử cũng không được xưng “Thần”, huống là Đạo Sa-môn là một trong Tam bảo được đời kính trọng quy y, cho nên Chánh Tông Ký dâng biểu trước sau vẫn xưng thần là... mõ, để bảo tồn lệ cũ. Trong khoảng thời gian tự giới thiệu thường chỉ xưng tên, lúc đó hàng công khanh đều trọng sự cao thức đó.

Bàn rằng: Kinh Dịch nói: Không thờ Vương hầu đó là việc cao thượng. Ký nói: Nhà Nho, trên thì không xưng thần với Thiên tử, dưới thì không thờ chư hầu. Đời Hậu Hán có Vương Nho Xung bị bắt ra làm quan khi yết kiến Quang Võ thì xưng tên mà không xưng thần. Quan Hữu Ty hỏi duyên cớ, thì bảo rằng: “Thiên tử có lúc không cần xưng thần”. Nhà Nho và Ấn Sĩ còn biết lấy Đạo để tự cao, huống là kẻ học Phật xuất thế làm phước điền cho người, đâu thể làm bầy tôi thờ vua tự làm nhục mình. Như vua Túc Tông thì đáng gọi là người biết tôn kính Phật và hiểu sâu sắc về Đại Thể vậy.

Vua mời Sa-môn Tử Lân vào Cung Cấm giảng kinh. Vua ban cho Tử Y và sung vào hàng cung phụng. Xưa, Sư du học mà phải trở về để

tang mẹ ba năm. Sư đến đền Thái Sơn tụng kinh Pháp Hoa, nguyện thấy được vua Thiên Tê. Vua hiện hình cho thấy và bảo Sư rằng: Lúc còn sống bà mẹ Sư ăn nhiều trứng gà và lấy trứng trắng đắp ghẻ trên đầu, do đó bị ngồi trong ngục chịu khổ. Lân thương mẹ kêu gào cầu cứu. Vua nói: Ông hãy đến lễ tháp A-dục Vương ở Mậu Sơn thì mẹ có thể được thoát. Lân liền đến chùa trên núi, lễ đến bốn vạn lạy, thì nghe trên không trung có tiếng nói, ngược lên nhìn thấy mẹ đã mất cõi đám mây cảm tạ: “Nhờ sức của ông nay tôi đã được sinh vào cõi trời Đạo-lợi.” Nay chùa ở ngọn núi sau Am Thúy Vi, tức nơi Sư tạm ở.

Thượng Thư Tả Thừa Vương Duy cùng em là Tấn đều dốc lòng thờ Phật, mặc áo vải ăn rau dưa. Có dinh thự ở Võng Xuyên, ông từng ngao du ngâm vịnh trong vùng. Khi mẹ mất rồi, ông dâng biểu xin đem dinh thự ở Võng Xuyên làm chùa Phật.

Năm Bảo Ứng thứ nhất, ở Hà Nam có Ni Sư Chân Như, vì tránh nạn An Lộc Sơn phải chạy tị nạn sang Sở Châu. Vào đêm trăng sáng có hai người áo đen dẫn cô đi về phía Đông rồi bay lên trời, đến một thành lớn vào yết kiến Thiên đế (tức vua trời Đế Thích) và các Thiên Vương (tức ba mươi hai Thiên Vương và Tứ Thiên Vương) cùng bảo nhau rằng: Cõi dưới tao loạn giết chóc quá nhiều, xin lấy Tạng Báu thứ hai để trấn giữ nước. Đế Thích bèn trao cho Ni Sư Chân Như Bảo vật và trấn pháp, rồi sai hai quan viên đưa Ni sư trở về.

Các báu vật gồm mười ba hạt đều là bạch ngọc bảo châu, để giữa ban ngày ánh sáng trắng lấp lánh như mặt trời, tối đến sáng như mặt trăng, có tên là Huyền Huỳnh Thiên Phù, cốc bích, như ý châu, ngọc ẩn bích sắc bảo (ngọc ẩn xanh biếc)... Quan thứ sử dâng biểu tâu vua. Vua bảo Thái tử rằng: Quyển thuộc trên trời che chở cho người có đức. Con xứng đáng được che chở. Con chức Sở Vương làm Thái tử. Nay Sở Châu đã dâng báu vật tức trời sẽ trao vận nước cho con. Vua bèn trao cho Thái tử tất cả báu vật ấy, rồi đổi niên hiệu là Bảo Ứng, ban cho Ni Sư Chân Như chức Bảo Hòa Thái Sư và ra sắc ở Trường an lập chùa Bảo Ứng Kim Luân.

Bàn rằng: Từ đời Đường Túc Tông đến Chiêu Tông có tất cả mười ba đời vua thì nhà Đường mất. Thế mới biết việc ban cho mười ba báu vật, do đó nói rõ việc trao vận nước cho Chiêu Vương. Sử tuy ghi chép các việc mà không biết đó là lời Sấm của trời báo trước.

Phân phụ chú ở trang ba bảy ba (Hán Tạng)

[Chú số 8] - Xưa, có Diệp Pháp Thiện, thuở nhỏ bị chết chìm, ba

năm sau thì lại trở về nhà. Ông ra đi có thanh đồng dẫn vào gặp Lão Quân. Đã lâu lắm có lần ở thạch thất ông gặp thần nhân bảo rằng: Người vốn là Tử Vi Tả Tiên Khanh bị đày xuống trần. Vậy phải cứu người lập công. Ta vâng lệnh Lão Quân trao cho người pháp một trăm ba mươi lăm. Vua Đường Cao Tông mời ông vào phong làm Thượng Khanh. Ông không đến, chỉ xin làm Đạo sĩ. Sau ông vào Tây Sơn tu Đạo. Trong năm Cảnh Long, thần nhân lại giáng xuống, truyền lệnh của Lão Quân rằng: Ông nên giúp vua Duệ Tông đến năm Khai Nguyên, chưa thể ẩn tích chốn sơn lâm được (Lúc đó hai vua lên ngôi thì miếu hiệu và niên hiệu đều đúng như đã dự cáo). Tháng tám năm ấy quả nhiên mời vào quan ải và lập Tương Vương làm Duệ Tông và Huyền Tông lại nối ngôi. Tất cả động tịnh kết hung đều đã được dự tâu trước. Lúc đó gặp Thổ Phồn sai sứ cống hiến rương báu tâu rằng: “Xin bệ hạ tự mở không nên để người khác biết điều cơ mật.” Pháp Thiện tâu rằng: “Đó là hung khí xin khiến sứ Thổ Phồn tự mở.” Quả nhiên trong rương có tên bắn ra khiến Sứ Phiên chết tốt. Vua trọng thưởng ban cho ông chức Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu Việt Quốc Công. Về sau ông thoát xác mà đi mất.

[Chú số 1] - Năm thứ sáu, Lý Thuyên đến Lý Nham ở Tung Sơn được Huỳnh Đế Âm Phù Kinh đọc cả ngàn lượt mà không hiểu nghĩa. Có lần đi qua dưới Ly Sơn thì gặp Lão Mẫu. Bên vệ đường thấy cây cháy còn lửa than bèn tự bảo rằng: Lửa do cây sinh, họa phát do khắc. Thuyên kinh hãi đem hỏi, Lão Mẫu đáp: Ta nhận Kinh này vào năm Giáp Tý với Tam Nguyên năm thứ sáu, đời Nhà Chu. Thuyên trình bày đầy đủ sở đắc của mình. Lão Mẫu nói: “Nhà ngươi tuổi trẻ máu trên não chưa giảm, tâm ảnh không khắp, nhưng thật là đệ tử của ta.” Lão Mẫu bèn ngồi trên đá nói nghĩa của kinh ấy rằng: Âm Phù có ba trăm chữ: Một trăm chữ nói về đạo, một trăm chữ nói về pháp, một trăm chữ nói về thuật. Trên có đạo Thần tiên, giữa có pháp làm nước giàu dân an, dưới có thuật khiến binh mạnh chiến thắng đều do tâm cơ bên trong phát xuất, hiệp với nhân sự bên ngoài. Quán sát tinh vi thì kinh truyện lịch sử diễn tả hết. Vận dụng trí xảo thì Tôn Ngô Hàn Bạch còn kém xa. Nếu không phải là Đạo sĩ thì không thể nghe hiểu được. Cho nên bậc chí nhân dùng nó thì được đạo, người quân tử dùng nó thì được thuật, còn hàng tiểu nhân dùng nó thì bị tai ương. Như muốn truyền lại cho ai thì nên chay tịnh mà trao cho họ. Riêng mình mỗi ngày tụng bảy biến thì có ích cho tâm cơ, thêm tuổi thọ.” Lão Mẫu lấy trong tay áo đưa cho Thuyên một cái hồ lô bảo đi lấy nước. Hồ lô bỗng nặng chìm

uống nước. Khi trở lại thì Lão Mẫu đã biến mất chỉ để lại chén cơm tẻ. Thuyền ăn vào, từ đó tuyệt cốc. Đến khoảng năm Khai Nguyên, Thuyền làm chức Giang lăng Phó Sứ. Sau vào núi lớn học đạo không biết sống chết ra sao.

[Chú số 2] - Vua sai Trung Thư Thị Lang Từ Kiệu mang thư có ấn vua mời Phương Sĩ Trương Quả vào yết kiến. Lúc đó có Hình Hòa Phát rất giỏi bói toán, biết người thọ yếu, khi bói cho Quả thì không đoán được gì cả. Lại có Sư Dạ Quang giỏi xem quẻ. Vua cùng Quả núp vào thì Dạ Quang cũng không nhìn thấy được. Vua nghe nói ai uống nước sắc rau cần mà không đắng là bậc Kỳ sĩ, bèn cho Quả uống ba chén thì liền say. Vua bảo tả hữu rằng: Đây không phải là rượu mừng! Quả lấy cây gập sắt đập gãy hết răng thì thấy răng đều cháy đen, liền lấy thuốc tiên thoa vào lợi, trong khoảng giấc ngủ thì răng trắng đều như cũ. Sau Quả khẩn thiết cáo từ vua xin trở về núi. Vua ban chế rằng: “Trương Quả Tiên Sinh chí rất cao thượng, ẩn mình trong ánh sáng, giảng giải Đạo Mẫu thông hiểu cùng cực. Đáng thăng chức Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu, hiệu là Thông Huyền Tiên Sinh.” Sau ông vào Hằng Sơn không biết sống chết ra sao (Quả ở đời Lương Trần xem tướng cho Trần Chân là anh của Sư Trí Giả).

[Chú số 3] - Quan Tư Mã Thừa Trinh tạ thế, vua ban sắc thụ phong là Trinh Nhất tiên sinh. Lúc Duệ Tông còn ở Thiên Thai mời ông vào để hỏi đạo, ông thưa: Phải quên mình vì đạo. Vua hỏi: Trị thân như thế, trị nước phải thế nào? Ông đáp: Nước cũng như thân. Thuận theo vật và vô tư mà trị vì thiên hạ. Vua khen: Lời nói cao cơ thay! Triều Huyền Tông có sai sứ đón ông vào kinh để học phép trị thiên hạ. Ông cáo từ, trở về Vương Ốc Sơn. Có đệ tử là Tiêu Tịnh gặp Tiên Nữ bảo rằng: Ông nên yết kiến Đông Hoa Thanh Đồng Quân để học Pháp Tam Hoàng. Hỏi tên họ thì bảo là Trinh Nhất. Người đệ tử trở về yết kiến thì tiên sinh vui vẻ truyền dạy cho.

[Chú số 4] - Tháng tám, vua ban chiếu thụ phong cho Khổng Tử làm Văn Tuyên Vương, đặt ngôi xây mặt về hướng Nam khi cúng rượu thì dùng Cung Huyền. Lại phong cho Nhan Tử làm Duyệt Quốc Công và các đệ tử đều truy phong các chức Công, Hầu, Bá...

[Chú số 5] - Tháng tư, vua mộng thấy Lão Quân Huyền Nguyên Hoàng Đế bảo rằng: “Ta có tượng ở phía Tây nam Kinh Thành.” Vua bèn sai sứ đến Lầu Quán ở Huyện Chu Ốc thấy đám mây tía che ánh sáng trắng xông lên trời được tượng ngọc cao ba thước, rước về thờ ở Cung Hưng Khánh, sai quan hữu ty vẽ chân dung của Huyền Nguyên,

chia thờ ở Khai Nguyên Quán tại các Quận.

[Chú số 6] - Tháng giêng, vua ban chiếu các Châu lập miếu thờ Huyền Nguyên Hoàng Đế, khiến học sinh các Châu thường học tập Đạo Đức Kinh và Trang Tử, Liệt Tử, Văn Tử. Mỗi năm theo khóa Minh Kinh cử về triều đình. Đặt ra một người trợ giáo. Tháng chín, vua ngự ở Lâu Hưng Khánh Môn, đích thân khảo thí về giảng đạo Đức Kinh, Trang Tử, Liệt Tử. Khi đó Diêu Tử Ngạn... đối sách được trúng tuyển.

[Chú số 7] - Tháng giêng, Lão Tử lại giáng xuống ngoài cửa Đan Phụng, dừng ngựa trên mây, bảo Tham Quân Điền Đồng Tú rằng: “Ngày ta vào Lưu Sa để có Linh Phù trong rương vàng ở trong nhà cũ của Doãn Lệnh tại Đào Lâm. Nên tâu vua lấy đó mà trấn giữ nước.” Đồng Tú tâu vua. Vua ra sắc đến tìm lấy, thì thấy có đám mây tía và thỏ trắng ở dưới Doãn Đài. Đào lên thì được rương vàng, bảo ngọc, chu thư và triện nhỏ, bèn rước về thờ ở điện Linh Xương. Đêm ấy vua thấy lầu các trên hư không đều có đèn thần, bá quan dâng biểu tâu đó là điềm lành của Linh phù ngầm ứng hiện. Vua bèn ra chế đổi niên hiệu là Thiên Bảo. Tháng hai, vua ra sắc lệnh phong cho Trang Tử là Nam Hoa Chân Nhân, Văn Tử là Thông Huyền Chân nhân, Liệt Tử là Xung Hư Chân nhân, Canh Tang Tử là Đồng Linh Chân Nhân. Sách của bốn chân nhân tên là Chân Kinh. Đặt mỗi nơi một Bác Sĩ trợ giáo, Học sinh đến học cả trăm người.